|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNGVIỆT NAM**LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG****TỈNH CAO BẰNG**Số: 61/KH-LĐLĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Cao Bằng, ngày 30 tháng 10 năm 2019* |

**KẾ HOẠCH**

**Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 04a/NQ-TLĐ ngày 24/6/2014 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa XI về "nâng cao hiệu quả hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đáp ứng yêu cầu phong trào công nhân và hoạt động công đoàn trong tình hình mới"**

 Thực hiện Kế hoạch số 79/KH-TLĐ ngày 03/10/2019 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 04a/NQ-TLĐ ngày 24/6/2014 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) Việt Nam khóa XI về "nâng cao hiệu quả hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đáp ứng yêu cầu phong trào công nhân và hoạt động công đoàn trong tình hình mới" (sau đây gọi tắt là Nghị quyết). Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Cao Bằng xây dựng kế hoạch sơ kết với những nội dung sau:

 **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

 **1.Mục đích:**

 Đánh giá, phân tích những kết quả đã đạt được, hạn chế, tồn tại, yếu kém, nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 4a khóa XI nhằm tiếp tục hoàn thiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, Đại hội XVI Công đoàn tỉnh Cao Bằng.

 **2. Yêu cầu:**

- Cần thực hiện đánh giá khách quan, toàn diện việc triển khai thực hiện Nghị quyết 4a khóa XI trong đó nêu bật được nhóm nhiệm vụ, giải pháp nào đã triển khai thực hiện và phát huy tác dụng trong thực tiễn, nhóm giải pháp nào quá trình triển khai có khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục.

 - Phân tích tình hình dự báo các vấn đề mới có thể phát sinh trong giai đoạn tiếp theo để định hướng bổ sung, hoàn thiện nhiệm vụ giải pháp trong giai đoạn tiếp theo.

 - Việc sơ kết Nghị quyết đảm bảo nghiêm túc, hiệu quả, tiết kiệm.

**II. NỘI DUNG**

**1. Đánh giá về công tác tổ chức, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch và chỉ đạo triển khai nghị quyết:**

- Đánh giá việc triển khai, phổ biến, quán triệt Nghị quyết, những kết quả chuyển biến về nhận thức và hành động;

- Cụ thể hóa các nội dung Nghị quyết vào kế hoạch, chương trình hành động của các công đoàn cơ sở trong việc triển khai thực hiện;

- Công tác chỉ đạo, đôn đốc, chế độ kiểm tra, giám sát, chế độ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của các cấp công đoàn.

- Những hạn chế trong công tác tổ chức, quán triệt, xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết của các cấp công đoàn.

 **2. Đánh giá việc đổi mới nội dung và phương pháp chỉ đạo của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đối với công đoàn cơ sở, đoàn viên và người lao động**

Đánh giá sự chuyển biến nhận thức, hành động về vai trò, trách nhiệm của công đoàn cơ sở trong việc xác định nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với tình hình mới và yêu cầu thực tế của địa phương, trong đó việc tập trung nguồn lực, tài chính để thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến thương lượng tập thể, thực hiện quy chế dân chủ tại nơi làm việc, giải quyết tranh chấp lao động, đại diện tập thể người lao động khi được yêu cầu khởi kiện tại tòa án về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động…

**3. Đánh giá việc kiện toàn, củng cố tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:**

- Đánh giá việc củng cố, sắp xếp, kiện toàn tổ chức và hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội ở địa phương và nguồn lực của tổ chức công đoàn.

- Đánh giá việc khắc phục tình trạng chồng chéo về đối tượng tập hợp và chỉ đạo hoạt động đối với công đoàn cơ sở.

**4. Đánh giá việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ và đảm bảo chính sách cán bộ:**

- Đánh giá việc xây dựng tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, rà soát, xác định vị trí việc làm ở cơ quan công đoàn các cấp; việc bố trí, điều động, sắp xếp luân chuyển cán bộ theo hướng ưu tiên bố trí cán bộ đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

- Đánh giá việc tham gia xây dựng hoàn thiện chính sách cán bộ, trong đó chú trọng chính sách tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

- Đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công đoàn cơ sở.

**5. Đánh giá về công tác theo dõi, giám sát, đánh giá:**

Tình hình theo dõi, giám sát thực hiện Nghị quyết, việc phối hợp giữa công đoàn cơ sở trong triển khai thực hiện Nghị quyết.

**6. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết:**

Kiểm điểm, đánh giá những kết quả đạt được sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, có so sánh, đối chiếu với mục tiêu Nghị quyết đề ra. Từ đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế, yếu kém, phân tích những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, yếu kém, những khó khăn, thách thức, những bài học kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết. Qua kiểm điểm, đánh giá phát hiện, tuyên truyền nhân rộng các mô hình, nhân tố mới, kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.

**7. Phương hướng, giải pháp hoàn thiện và tổ chức thực hiện trong thời gian tới**

Đề xuất bổ sung, hoàn thiện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết hoặc nhiệm vụ giải pháp mới, đột phá để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết trong thời gian tới. Kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền những nội dung, mục tiêu cần phải sửa đổi, điều chỉnh (nếu có) trong việc thực hiện Nghị quyết hoặc bổ sung cho phù hợp với tình hình hiện nay.

**III. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN**

**1. Hình thức sơ kết:** Căn cứ tình hình và điều kiện cụ thể của từng đơn vị, địa phương có thể tổ chức Hội nghị sơ kết hoặc thảo luận, xin ý kiến ủy viên ban chấp hành về báo cáo sơ kết tại hội nghị ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

**2. Thời gian**

- Các LĐLĐ huyện, thành phố, công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức tổ chức sơ kết xong trước 15/11/2019.

- Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức sơ kết xong trước 30/11/2019.

**VI. TIẾN ĐỘ CÁC BƯỚC THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung thực hiện** | **Đơn vị chủ trì** | **Thời gian** |
| 1 | Xây dựng kế hoạch và đề cương báo cáo. | Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh | Tháng 10/2019 |
| 2 | Khảo sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết tại một số LĐLĐ huyện và CĐ ngành | Ban Tổ chức - Tuyên giáo - Nữ công LĐLĐ tỉnh | Trước ngày 15/11/2019 |
| 3 | Các LĐLĐ huyện, thành phố, CĐ ngành, Công đoàn Viên chức, tỉnh tổ chức sơ kết thực hiện Nghị quyết và hoàn thành báo cáo gửi về LĐLĐ tỉnh | Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở | Trước ngày 15/11/2019 |
| 4 | Xây dựng dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết  | Ban Tổ chức - Tuyên giáo - Nữ công LĐLĐ tỉnh | Trước ngày 20/11/2019 |
| 5 | Tổ chức lấy ý kiến góp ý đối với báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết | Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh | Trước ngày 28/11/2019 |
| 6 | Hoàn thiện báo cáo trình Tổng LĐLĐ Việt Nam | Ban Tổ chức - Tuyên giáo - Nữ công LĐLĐ tỉnh | Trước ngày 30/11/2019 |

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Liên đoàn Lao động tỉnh:**

- Xây dựng Kế hoạch sơ kết, đề cương báo cáo và biểu mẫu.

- Xây dựng Kế hoạch tiến hành khảo sát, nghiên cứu thực tế cơ sở.

- Tổng hợp xây dựng báo cáo thực hiện Nghị quyết trình Tổng LĐLĐ Việt Nam.

**2. LĐLĐ các huyện, thành phố, công đoàn ngành, công đoàn Viên chức**

Căn cứ Kế hoạch và đề cương báo cáo tiến hành sơ kết, đánh giá các nội dung theo đề cương và đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Công đoàn và gửi về LĐLĐ tỉnh trước ngày 20/11/2019.

 Trên đây là Kế hoạch sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 04a/NQ-TLĐ ngày 24/6/2014 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam khóa XI về "nâng cao hiệu quả hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đáp ứng yêu cầu phong trào công nhân và hoạt động công đoàn trong tình hình mới" của LĐLĐ tỉnh Cao Bằng, yêu cầu LĐLĐ các huyện, thành phố, công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận :***- Ban Tổ chức Tổng LĐLĐ Việt Nam; - Thường trực, các ban LĐLĐ tỉnh; - Các LĐLĐ huyện, thành phố; - CĐ ngành, CĐVC; - Lưu: VT, Ban TCTGNC (Hg). | **TM. BAN TH­ƯỜNG VỤ****PHÓ CHỦ TỊCH****(Đã ký)****Trần Công Huân** |

**GỢI Ý ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 4a khóa XI**

(kèm theo Kế hoạch số /LĐLĐ-TCTGNC ngày /10/2019 của LĐLĐ tỉnh)

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

**I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH:**

**1. Tình hình tổ chức và hoạt động của công đoàn cấp trên cơ sở:**

 - Tình hình cán bộ, công chức, viên chức, lao động và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp.

 - Tình hình đoàn viên, công đoàn cơ sở.

 - Tình hình đội ngũ cán bộ công đoàn chuyên trách cấp trên cơ sở, không chuyên trách cấp cơ sở.

 - Khái quát tình hình hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

 **2. Thuận lợi, khó khăn:**

 Những thuận lợi, khó khăn liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết 4a khóa XI.

 **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT:**

 Căn cứ quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết để tiến hành sơ kết. Trong đó tập trung những nội dung cơ bản sau:

**1.Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết:**

 - Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cấp công đoàn và cấp ủy Đảng đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết 4a khóa XI.

 - Vai trò trách nhiệm của công đoàn cấp trên, cấp ủy Đảng đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện.

 - Sự phối kết của các cơ quan liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết 4a khóa XI.

 **2. Kiện toàn, củng cố tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:**

 ***2.1. Rà soát tình hình tổ chức và hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:***

 - Kết quả việc củng cố sắp xếp lại các công đoàn ngành địa phương theo Hướng dẫn 704/HD-TLĐ ngày 12/5/2017 về sắp xếp lại công đoàn ngành địa phương, công đoàn giáo dục cấp huyện.

 ***2.2. Về phân cấp quản lý công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:***

 - Kết quả phân cấp quản lý phù hợp đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trong quá trình thực hiện và chỉ đạo hoạt động công đoàn cơ sở.

 **3. Nội dung và phương thức chỉ đạo của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đối với công đoàn cơ sở, đoàn viên và người lao động:**

 - Kết quả việc tổ chức thí điểm một số hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đối với những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở.

 - Kết quả việc đề xuất, tham gia, phối hợp với chính quyền đồng cấp, cơ quan chức năng trên địa bàn, tổ chức đối thoại định kỳ với công nhân lao động để kịp thời giải quyết bức xúc của công nhân lao động, hạn chế tranh chấp lao động, ngừng việc tập thể, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ tại nơi làm việc (liệt kê các văn bản tham gia, số liệu thể hiện các cuộc đối thoại định kỳ với công nhân và các cuộc tranh chấp lao động và ngừng hoạt động tập thể qua từng năm thực hiện Nghị quyết…).

 - Kết quả việc phân bổ nguồn lực, tài chính để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm có liên quan đến thương lượng tập thể, thực hiện Quy chế dân chủ tại cơ sở; giải quyết tranh chấp lao động; đại diện cho tập thể người lao động hoặc người lao động khi được yêu cầu khởi kiện tại tòa án khi quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động bị xâm hại…

 **4. Về bố trí cán bộ và đảm bảo chính sách cán bộ:**

 - Kết quả việc xây dựng đề án vị trí việc làm cán bộ chuyên trách và bố trí người làm việc theo vị trí việc làm tại các đơn vị.

 - Kết quả việc rà soát, sắp xếp, điều động trong nội bộ hệ thống công đoàn theo hướng ưu tiên bố trí cán bộ đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; thực hiện luân chuyên cán bộ.

 - Kết quả việc tham gia với Đảng, Nhà nước trong việc hoàn thiện chính sách cán bộ, trong đó chú trọng chính sách tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

 **5. Đối với việc nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:**

 - Thực trạng , kết quả đào tạo, đổi mới nội dung phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn (trong đó thể hiện rõ nội dung nâng cao kiến thức chuyên sâu về pháp luật có liên quan đến mối quan hệ lao động, kỹ năng hoạt động công đoàn của cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở).

 - Thực trạng và kết quả xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên kiêm chức ở các cấp công đoàn.

 **6. Đối với việc đầu tư cơ sở vật chất và đám bảo điều kiện hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:**

 - Thực trạng và kết quả đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc đối với cơ quan công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, việc thực hiện phân cấp tài chính công đoàn theo hướng tạo sự chủ động về tài chính đối với công đoàn trên trên trực tiếp cơ sở.

 **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

 **1. Những ưu điểm, tồn tại, hạn chế:**

 - Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.

 - Về công tác kiện toàn củng cố tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

 - Về đổi mới nội dung và phương pháp chỉ đạo của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đối với CĐCS và đoàn viên công đoàn.

 - Về bố trí cán bộ và đảm bảo chính sách cán bộ.

 - Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

 - Về đầu tư cơ sở vật chất và đảm bảo điều kiện hoạt động cua công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

 Lưu ý: việc đánh giá cần làm rõ từ khi có Nghị quyết thì những ưu điểm đạt được là gì so với trước khi có Nghị quyết

 **2.Nguyên nhân, tồn tại, hạn chế:**

 - Nguyên nhân chủ quan.

 - Nguyên nhân khách quan.

 **IV.BÀI HỌC KINH NGHIỆM:**

 **V.NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:**

 - Đề xuất, kiến nghị từng nội dung cụ thể trong đánh giá thực trạng

**Phần thứ hai**

**PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ TIẾP THEO**

 **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH:**

 - Tình hình lao động, biến động lao động tại các doanh nghiệp, các đơn vị là đối tượng phát triển đoàn viên của các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở;

 - Dự báo tình hình quan hệ lao động trong thời gian tới trong bối cánh, tình hình mới;

 - Dự báo về tình hình hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trong tình hình mới.

 **II. BỔ SUNG. HOÀN THIỆN NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THEO NGHỊ QUYẾT 4a/NQ-TLĐ VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM.**

 Cần nghiên cứu đưa ra những sáng kiến, sáng tạo, nhằm tiếp tục thực hiện tốt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 4a/NQ-TLĐ như sau:

 1.Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chỉ đạo thực hiện nghị quyết.

 2. Về công tác kiện toàn củng cố tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

 3. Về đổi mới nội dung và phương pháp chỉ đạo của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đối với CĐCS và doàn viên công đoàn.

 4. Về bố trí và đảm bảo chính sách cán bộ.

 5. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

 6. Việc đầu tư cơ sở vật chất và đảm bảo điều kiện hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

**Phụ lục 1**

 **TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP CNVCLĐ, ĐOÀN VIÊN VÀ CĐCS THUỘC CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ QUẢN LÝ**

(kèm theo Kế hoạch số /LĐLĐ-TCTGNC ngày /10/2019 của LĐLĐ tỉnh)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Tổng số** |
| **1** | **Công nhân, viên chức, lao động** | Người |  |
|  | Trong đó: - Nữ |  |  |
|  |  - Khu vực ngoài nhà nước |  |  |
| **2** | **Doanh nghiệp** | DN |  |
|  | Trong đó: - DN ngoài nhà nước |  |  |
|  |  - DN có vốn đầu tư nước ngoài |  |  |
|  |  - DN có trên 25 lao động chưa thành lập CĐCS |  |  |
| **3** | **Đoàn viên công đoàn** | Người |  |
|  | Trong đó: - Nữ |  |  |
|  |  - Khu vực HCSN |  |  |
|  |  - Khu vực SXKD, HTX |  |  |
| **4** | **Công đoàn cơ sở** | Cơ sở |  |
|  | Trong đó: |  |  |
|  | - Số CĐCS dưới 25 đoàn viên |  |  |
|  | - Số CĐCS có từ 500 đoàn viên đến 1000 đoàn viên |  |  |
|  | - Số CĐCS có từ 1000 ĐV đến dưới 2.500 đoàn viên |  |  |
|  | - Số CĐCS thuộc khu vực HCSN |  |  |
|  | - Số CĐCS khu vực DNNN |  |  |
|  | - Số CĐCS khu vực DN ngoài nhà nước |  |  |
|  | - Số CĐCS thuộc khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài |  |  |
|  | - Số CĐCS khu vực HTX và nghiệp đoàn |  |  |

**Phụ lục 2**

**TÌNH HÌNH CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ**

(kèm theo Kế hoạch số /LĐLĐ-TCTGNC ngày /10/2019 của LĐLĐ tỉnh)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Tổng số** |
| 1 | **Tổng số cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở** | Người |  |
|  | Chủ tịch, Phó chủ tịch |  |  |
|  | Ủy viên Ban Thường vụ |  |  |
|  | Ủy viên Ban Chấp hành |  |  |
|  | Ủy viên Ủy ban kiểm tra |  |  |
| **2** | **Trình độ cán bộ CĐCS** |  |  |
| **2.1** | **Chuyên môn, nghiệp vụ** |  |  |
|  | Giáo sư/Phó giáo sư |  |  |
|  | Tiến sỹ |  |  |
|  | Thạc sỹ |  |  |
|  | Đại học |  |  |
|  | Cao đẳng |  |  |
|  | Trung cấp |  |  |
| **2.2** | **Lý luận chính trị** |  |  |
|  | Cử nhân, cao cấp |  |  |
|  | Trung cấp |  |  |
| **2.3** | **Đào tạo bồi dưỡng lý luận và nghiệp vụ công đoàn** |  |  |
|  | Đại học |  |  |
|  | Đại học phần |  |  |
|  | Bồi dưỡng ngắn hạn |  |  |

**Phụ lục 3**

**KẾT QUẢ SẮP XẾP, KIỆN TOÀN CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ**

(kèm theo Kế hoạch số /LĐLĐ-TCTGNC ngày /10/2019 của LĐLĐ tỉnh)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Tổng số** |
| 1 | **Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thuộc diện phải sắp xếp giải thể theo Hướng dẫn số 704/HD-TLĐ ngày 12/5/2017 của Tổng Liên đoàn** | Cơ sở |  |
|  | Trong đó: |  |  |
| -  | Đã sắp xếp giải thể |  |  |
| - | Chưa sắp xếp giải thể |  |  |
| 2 | **Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hiện có** |  |  |
|  | Trong đó: |  |  |
| - | Công đoàn cấp huyện, thành phố |  |  |
| - | Công đoàn ngành Giáo dục |  |  |
| - | Công đoàn ngành Y tế |  |  |
| - | Công đoàn Viên chức |  |  |
| - | Công đoàn ngành Nông nghiệp - PTNT |  |  |

**Phụ lục 4**

**TÌNH HÌNH QUAN HỆ LAO ĐỘNG**

(kèm theo Kế hoạch số /LĐLĐ-TCTGNC ngày /10/2019 của LĐLĐ tỉnh)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Tổng số** |
| 1 | **Tổng số DN có thỏa ước lao động tập thể** | DN |  |
|  | Trong đó: - DN ngoài khu vực nhà nước vốn trong nước |  |  |
|  |  - DN có vốn đầu tư nước ngoài |  |  |
| 2 | **Số CĐCS tổ chức đối thoại từ 2014 - tháng 9/2019** | Cơ sở |  |
|  | Trong đó: - Khu vực nhà nước |  |  |
|  |  - Khu vực ngoài nhà nước vốn trong nước |  |  |
|  |  - Khu vực nhà nước có vốn đầu tư nước ngoài |  |  |
| **3** | **Số vụ tranh chấp lao động từ 2014 - tháng 9/2019** | Vụ |  |
|  | Trong đó: - Tranh chấp lao động về quyền |  |  |
|  |  - Tranh chấp lao động về lợi ích |  |  |
|  |  - Số vụ tranh chấp do tòa án giải quyết |  |  |
| **4** | **Số vụ đình công hoặc ngừng việc tập thể** | Vụ |  |
|  | Trong đó: - Khu vực nhà nước |  |  |
|  |  - Khu vực ngoài nhà nước có vốn trong nước |  |  |
|  |  - Khu vực DN có vốn nước ngoài |  |  |
| **5** | **Tình hình tai nạn lao động** | Vụ |  |
|  | Số vụ tai nạn lao động: - Năm 2014 - Năm 2019 | Vụ |  |
|  | Trong đó: Số người chết: - Năm 2014  - Năm 2019 | Người |  |